Name: Class:

CHECK VOCABULARY UNIT 8

Getting started - Closer look 1

1. Nhà phê bình _____.
2. Phim tài liệu _____.
3. Phim kinh dị _____.
4. Vui nhộn, hài hước _____.
5. Hấp dẫn, thú vị _____.
6. Hung tợn, hung dữ _____.
7. Cảm động, gây xúc động _____.
8. Bực mình/ làm bực mình_____.
9. Lúng túng / làm lúng túng _____.
10. Thất vọng/ làm thất vọng _____.
11. Kiệt sức/ làm kiệt sức _____.
12. Bối rối, khó hiểu/ làm bối rối khó hiểu _____.

Complete these sentences with *although* **or** *in spite of*

13. …….. all my careful plans, a lot of things went wrong.
14. …….. I had planned everything carefully, a lot of things went wrong.
15. I love music …….. I can't play a musical instrument.
16. …….. being very tired, we carried on walking.
17. The heating was on, but ……. this the house was still cold.
18. Keith decided to give up his job ……. I advised him not to.
19. I couldn't sleep ……. I was tired.
20. …….. it rained a lot, they enjoyed themselves.

LIVEWORKSHEETS